

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH CỬU  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HS-ST  
Ngày: 14-4-2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU - TỈNH ĐỒNG NAI**

***-Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Đại.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Ngọc Anh.

Bà Nguyễn Ngọc Cúc.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thanh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

***-Đại diện VKSND huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa:*** Bà Thái Thị Lan  
- Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Châu Văn P, Tên gọi khác: Không; sinh năm 1993, tại tỉnh Kiên Giang. Nơi thường trú: Ấp C, xã V, huyện A, tỉnh K; Nơi cư trú: Ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Châu Văn N, sinh năm 1965 và bà Thị D, sinh năm 1969; Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: Bị cáo có 02 tiền án gồm:

+ Ngày 28/10/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

+ Ngày 18/5/2016, bị Tòa án nhân dân huyện An M, tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 30/11/2020 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Đồng Nai. Bị cáo “có mặt”.

***- Người bào chữa cho bị cáo:*** Ông Nguyễn M – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai. “vắng mặt”

- Bị hại: Anh Lê Hoàng Anh T, sinh năm 2003; Trú tại: Ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đ. “vắng mặt”

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Lê Thị Kim C, sinh năm 1983; Trú tại: Ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đ. “vắng mặt”

+ Anh Hà Trọng D, sinh năm 1985; Trú tại: Ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đ. “có mặt”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Hoàng Anh T, sinh năm 2003, ngụ ấp 5 xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai và Châu Văn P là bạn cùng chơi với nhau.

Khoảng 08 giờ ngày 20/11/2020, Lê Hoàng Anh T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 67B2 – 511.68 (do chị Lê Thị Kim C là mẹ của T đứng tên chủ sở hữu giao cho T sử dụng) đến phòng trọ của Châu Văn P tại ấp 5, xã T, huyện V chơi và tham gia uống rượu với Châu Văn P và Trần Văn L. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, P hỏi T mượn xe mô tô biển số 67B2 – 511.68 đi công việc, T đồng ý và giao xe. P điều khiển xe mô tô đến quán Bi-a Cherry thuộc ấp 5, xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. P nhìn thấy gần quán Bi-a có đánh bạc bằng hình thức bông dục nên vào tham gia. Do thua bạc, P nảy sinh ý định cầm xe mô tô 67B2 – 511.68 lấy tiền tiếp tục đánh bạc. Do P không mang giấy tờ tùy thân, nên P mượn Chứng M nhân dân của Nguyễn Vũ L1, sinh năm 1994, thường trú tại xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang và nhờ L1 đi cùng P đến tiệm cầm đồ D Tín để cầm xe. Tại đây L1 đứng ra giao dịch với anh Hà Trọng D để cầm xe. Anh D hỏi về nguồn gốc xe thì P nói dối là tài sản của vợ P. Sau khi kiểm tra xe phù hợp với giấy chứng nhận đăng ký, anh D đồng ý nhận cầm xe với số tiền 23.000.000 đồng, L1 nhận tiền và đưa lại cho P. Sau đó, P quay lại chơi đánh bạc và tiếp tục thua bạc nên nghỉ chơi. Ngày 21/11/2020, P đến tiệm cầm đồ D Tín lấy thêm 2.000.000 đồng và đi thăm người yêu tại tỉnh Đắk Lắk, tổng số tiền cầm xe có được P đã tiêu xài hết. Đến ngày 30/11/2020, P quay về xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu thì được Công an xã Thanh Phú mời làm việc, lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu giải quyết theo thẩm quyền. Tại Cơ quan Công an, P khai nhận hành vi phạm tội.

Tang vật tạm giữ: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 67B2-511.68; 01 giấy CMND pho to mang tên Nguyễn Vũ L1; 01 giấy cầm đồ mang tên Nguyễn Vũ L1.

Tại Kết luận định giá tài sản số 220/KL-ĐGTS ngày 07/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự huyện Vĩnh Cửu kết luận: Xe mô tô, hiệu Yamaha Exciter biển số 67B2-511.68 trị giá 37.000.000 đồng. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại không có ý kiến và khiếu nại gì về kết luận của hội đồng định giá nêu trên.

Trách nhiệm dân sự: Anh T và chị C đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường. Anh Hà Trọng D yêu cầu Châu Văn P hoàn trả tiền cầm xe là 25.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 47/CT-VKS-HS ngày 26/3/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đã truy tố bị cáo Châu Văn P về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Châu Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo đúng như nội dung được tóm tắt ở phần trên.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Châu Văn P phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 175; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị xử phạt bị cáo Châu Văn P từ 02 năm 06 tháng đến 03 tù; Buộc bị cáo bồi thường cho Anh Hà Trọng D số tiền 25.000.000đ; Về án phí bị cáo phải chịu theo quy định.

Bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng và Luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng, bị cáo đã ăn năn hối hận về hành vi mà bị cáo đã gây ra, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về tố tụng hình sự:**

Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án, quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo ông Nguyễn M – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai có đơn xin vắng mặt và đã cung cấp bản luận cứ bào chữa cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 291 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Người bị hại là anh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị C đã được triệu tập hợp lệ, chị C có đơn xin vắng mặt. Trong giai đoạn điều tra đã có lời khai. Việc vắng mặt tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2] Về căn cứ kết tội bị cáo:**

Tại phiên tòa, bị cáo Châu Văn P đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập có tại hồ sơ vụ án, xét có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 20/11/2020 tại ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đ, Châu Văn P mượn xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 67B2-511.68 do Lê Hoàng Anh T đang quản lý. Sau đó P chiếm đoạt thông qua hành vi mang xe cầm cố lấy tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc và tiêu xài cá nhân. Trị giá xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 67B2-511.68 là 37.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Châu Văn P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” là tình tiết định khung theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3]Về tính chất, mức độ phạm tội: Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây mất an ninh, trật tự trị an. Bị cáo là người đã trưởng thành, đủ khả năng nhận biết được hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5]Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6]Về trách nhiệm dân sự:

Anh T, chị C đã nhận lại xe, không yêu cầu bồi thường gì, nên không xem xét giải quyết.

Anh Hà Trọng D yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 25.000.000đ, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho anh D số tiền trên. Do đó, buộc bị cáo bồi thường anh D với số tiền 25.000.000đ.

[7]Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 67B2-511.68 do chị Lê Thị Kim C đứng tên chủ sở hữu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu đã giao trả xe mô tô cho chị Lê Thị Kim C là có cơ sở nên không xem xét.

Đối với 01 giấy CMND pho to mang tên Nguyễn Vũ L1; 01 giấy cầm đồ mang tên Nguyễn Vũ L1 đã được đưa vào làm tài liệu trong hồ sơ vụ án.

[8]Về án phí: Bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9]Về đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xử lý đối với hành vi phạm tội của bị cáo về tội danh;

điều khoản; Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Về mức hình phạt; xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10]Các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Vũ L1 có hành vi cho mượn Chứng M nhân dân và thực hiện hành vi giao dịch cầm xe, hiện chưa làm việc được với L1, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu tiếp tục làm rõ, xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với anh Hà Trọng D có hành vi nhận cầm xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 67B2-511.68. Khi nhận cầm xe anh D không biết nguồn gốc xe mô tô do P phạm tội mà có, nên không xử lý anh D về hành vi này.

Đối với hành vi bị cáo P khai tham gia đánh bạc quá trình làm việc chưa đủ căn cứ, nên không xử lý.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điểm g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

- Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố: Bị cáo Châu Văn P phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Châu Văn P 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/11/2020.

Về dân sự: Bị cáo Châu Văn P phải bồi thường cho anh Hà Trọng D số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày anh Hà Trọng D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Về án phí: Bị cáo Châu Văn P phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn trên tính từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo luật định.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKS huyện Vĩnh Cửu;
- VKS tỉnh ĐN;
- Công an huyện Vĩnh Cửu;
- TAT.ĐN;
- THA.huyện Vĩnh Cửu;
- sở Tư pháp;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Đại**

